

Bản án số: 314/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20/12/2024

V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi
con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Tạ Thị Ninh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Mai**

2. Ông **Nguyễn Văn Miến**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải**- Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông **Triệu Văn Tiến** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2024/TLST - HNGS ngày 15 tháng 10 năm 2024 về Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2024/QĐST ngày 13/12/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1986; có mặt

Địa chỉ: Thôn 1, xã CN, huyện TT, TP Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Đức K**, sinh năm 1985; vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 1, xã CN, huyện TT, TP Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/10/2024 cùng bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 28/11/2024 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh **Nguyễn Đức K** kết hôn với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn ngày 04/12/2008 tại UBND xã CN, huyện TT, TP Hà Nội trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng chỉ hạnh phúc thời gian ngắn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Chị đã cố gắng chịu đựng để nuôi con nhưng nay chị không còn khả năng chịu đựng

nữa. Chị đã đi khỏi nhà anh K và hiện vợ chồng đang sống ly thân. Nay chị đã hết tình cảm vợ chồng với anh K, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh K.

Chị và anh K có 03 con chung là Nguyễn Đức C, sinh ngày 12/9/2009; Nguyễn Đức T, sinh ngày 26/01/2012 và Nguyễn Thị NA, sinh ngày 07/6/2015. Hiện cháu NA đang ở với chị, còn cháu C và cháu T đang ở với anh K. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cháu NA cho chị tiếp tục nuôi dưỡng; giao cháu C và cháu T cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Đức K đã được Tòa triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt. Tòa án phối hợp với chính quyền địa phương đến nơi cư trú của anh K nhưng anh K vắng nhà.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị T giữ nguyên quan điểm đã trình bày. Anh Nguyễn Đức K vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TT phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Việc Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng pháp luật. Việc xác định quan hệ pháp luật và tư cách người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, thủ tục hòa giải đã được tiến hành đúng pháp luật; Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo, việc chuyển hồ sơ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tòa án nhân dân huyện TT đã thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Bị đơn anh Nguyễn Đức K cư trú tại xã CN, huyện TT, thành phố Hà Nội. Do vậy Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28, Điều 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đức K tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CN, huyện TT, thành phố Hà Nội

ngày 04/12/2008. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh K được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc sau đó thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Qua xác minh tại gia đình và địa phương cho thấy nguyên nhân chủ yếu dẫn đến chị T và anh K mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau về tính cách, lối sống. Do không nhẫn nhịn được nên dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Hiện vợ chồng đã ly thân. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, kiên quyết xin ly hôn. Anh K không có văn bản trình bày ý kiến đối với việc chị T xin ly hôn, không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải, không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng, cố tình trốn tránh và không có thiện chí hòa giải. Chứng tỏ anh K không còn tình cảm với chị T.

Như vậy, mâu thuẫn giữa chị T và anh K đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần cho ly hôn để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

2.2. Về con chung: Chị T và anh K có 03 con chung là Nguyễn Đức C, sinh ngày 12/9/2009; Nguyễn Đức T, sinh năm 26/01/2012 và Nguyễn Thị NA, sinh ngày 07/6/2015.

Xét thấy việc giao con cho ai nuôi phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con và hoàn cảnh thực tế của hai bên. Đối với con từ đủ 7 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con.

Chị T và anh K đều có điều kiện tương đương nhau. Chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu Nguyễn Thị NA. Cháu Nguyễn Đức C và cháu Nguyễn Đức T vẫn sinh sống cùng anh K từ khi sinh ra đến nay. Cháu Ánh có nguyện vọng được ở với chị T, còn cháu C và cháu T có nguyện vọng được ở với anh K. Do đó, giao cháu Nguyễn Thị NA cho chị T nuôi, giao cháu Nguyễn Đức C và Nguyễn Đức T cho anh K nuôi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu cấp dưỡng, anh K không có văn bản trình bày ý kiến nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh chị đến khi có quyết định thay đổi khác.

2.3. Về tài sản, công sức nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết. Anh K không đến Tòa án làm việc và không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản, công nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi nào anh K, chị T có đơn yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 243, 245, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

1.1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đức K.

1.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị NA, sinh ngày 07/6/2015 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao cháu Nguyễn Đức C, sinh ngày 12/9/2009 và cháu Nguyễn Đức T, sinh năm 26/01/2012 cho anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi, hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị T và anh K đến khi có quyết định thay đổi khác.

Chị T và anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi dưỡng.

1.4. Về tài sản, công nợ: Chị T không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0018115 ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, thành phố Hà Nội.

3. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn K có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện TT;
- CCTHADS huyện TT;
- UBND xã CN;
- Những người tham gia tố tụng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Tạ Thị Ninh

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện TT;
- CCTHADS huyện TT;
- UBND xã Hạ Bằng;
- Những người tham gia tố tụng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hồng Thiết

